

BÀI 09: MUỖI THIỆN NGHIỆP

I. PHÂN NHÓM MUỖI THIỆN NGHIỆP

Sự tránh xa (*virati*) 10 nghiệp bất thiện được gọi là 10 nghiệp thiện.

1. Thân thiện hạnh (*kāyasucarita*), tức những hành động tốt đẹp, gồm có 3:

- Tránh xa sự sát sanh (*pāṇātipāvāvirati*)

Virati: Kiên cố, tránh xa. *pāṇātipāvā*: sát sanh.

- Tránh xa sự trộm cắp (*adinnādānāvirati*)

Virati: Kiên cố, tránh xa. *Adinnādānā*: sự trộm cắp.

- Tránh xa sự tà dâm (*Kamesu-micchācārāvirati*)

Virati: Kiên cố, tránh xa. *Kamesu-micchācārā*: Tà hạnh trong các dục.

2. Khẩu thiện hạnh (*vacīsucarita*), tức ngôn ngữ tốt đẹp gồm 4:

- Tránh xa nói dối (*musāvādāvirati*)

- Tránh xa nói lời đâm thọc (*pisunavācāvirati*)

- Tránh xa nói lời ác ngữ (*pharusavācāvirati*)

- Tránh xa nói lời phù phiếm (*samphappalāpavirati*)

3. Ý thiện hạnh (*kusalamanokamma*) tức những tư tưởng tốt đẹp, gồm có 3:

- Không tham đắm / vô tham (*anabhijjhā*)

- Không hiềm hận / vô sân (*avyāpāda*)

- Chánh kiến (*sammādiṭṭhi*).

II. PHÂN TÍCH THEO TỪ NGUYÊN

Chữ “Veramaṇī” trong nhóm thập thiện, ví dụ trong câu “*pāṇātipātā veramaṇī kusalaṃ*”.

Chữ “vera” trong veramaṇī có nghĩa là sự thù nghịch, sự chống lại. **Veramaṇī** nghĩa đen là “**có ý chống lại**”, nghĩa rộng là “*kiêng cử, tránh xa, từ bỏ, kiêng tránh*”. Đồng nghĩa của chữ “**veramaṇī**” là **virati**. Các giáo thọ giải thích chữ veramaṇī là “cố ý làm hư hoại tội lỗi, cố ý xua đuổi ác xấu”. Tóm lại, veramaṇī (hay *viramaṇī*) trong một phương diện, là một từ chỉ cho cetanā. Cetanā đặt trên nền tảng tác ý (*manasikāra*). Nếu tác ý đúng (*yoniso manasikāra*) thì cetanā sẽ lánh xa ác xấu, từ bỏ ác xấu, tiêu diệt ác xấu. Nếu tác ý không đúng (*ayoniso manasikāra*) thì cetanā sẽ tạo ra ác xấu, tội lỗi.

Tác ý đúng sinh khởi cetanā tốt, tác ý sai sinh khởi cetanā xấu. Tác ý đúng hay sai này nằm trong tâm hướng ý môn (*manodvāravajjanacitta*)¹. Chính tâm hướng ý môn làm duyên cho cho loại tâm đồng lực (*javanacitta*) thiện hoặc tâm đồng lực bất thiện sinh lên.²

Lại nữa, “cố ý tránh xa tội lỗi, ác xấu” hàm ý dựa vào hai tâm sở “hổ thẹn tội lỗi (*hiri*) và ghê sợ tội lỗi (*ottappa*)”. Chính hai pháp này giúp cho cetanā có nhiều sức mạnh, không tạo ra bất thiện nghiệp, hay ác nghiệp.

Ba loại kiêng tránh / tránh xa (*virati*):

Bất cứ một loại kiêng tránh nào cũng phải đối diện với ác xấu, tội lỗi. Ví như Thánh đạo phải có Niết-bàn làm đối tượng (cảnh) mới diệt trừ phiền não.

¹ Còn gọi là “Tâm khai ý môn”, tức là trạng thái tâm hướng đến cảnh “pháp trần”, hoặc hướng đến cảnh “ngũ trần”.

² Xem *Quy trình tâm pháp* (TK. Chánh Minh biên soạn).

Đối diện với tội lỗi, tâm không rơi vào tội lỗi mới gọi là kiêng tránh. Không gặp tội lỗi nên tâm không rơi vào ác xấu đó là lẽ đương nhiên. Như không gặp vật quý, nên không có tâm lấy trộm đó là lẽ đương nhiên, nhưng nếu gặp vật quý của người nhưng không có ý lấy trộm, đó là kiêng tránh.

Không có cơ hội gặp người khác thì không thể rơi vào bốn ác ngữ là việc thường tình. Khi gặp người mà không nói nhảm, nói dối... đó mới là sự kiêng tránh.

Và từ điểm này, chúng ta mới thấy lợi ích của sự sống nơi thanh vắng như lời bậc Đạo sư dạy.

a) Kiêng tránh/ Tránh xa do thói quen (*sampattavirati*) và danh dự

Một người có thói quen không làm điều ác, bất thiện; khi đối diện với ác, bất thiện pháp sẽ không vi phạm vào ác, bất thiện pháp. Như trưởng lão Mahākassapa khi còn là thanh niên có tên là Pippali không muốn lập gia đình, vì trong nhiều kiếp tu tập thiền tịnh, nên tâm thường hướng về ly dục,... Sở dĩ có hiện tượng của ngài Pippali và cô Bhaddā không ướm nối bởi dục vọng, vì hai vị đã từng sống Phạm hạnh bên nhau rất nhiều kiếp, nên tuy kiếp này phải làm đám cưới, nhưng hai vị vẫn giữ được sự trong sạch, phạm hạnh.

Xem chi tiết câu chuyện trên và câu chuyện khác trong *Luận giải Chánh Tri kiến*, trang 178-180.

Lại nữa, một người đối diện với điều ác xấu, do nghĩ đến danh dự cao quý của mình, hay danh dự tốt đẹp của gia tộc nên không rơi vào ác, bất thiện. Hoặc là nghĩ đến những hình phạt của vua quan, những quả báo đau khổ của ác xấu, bất thiện nên khi đối diện với ác, với bất thiện, người đó sẽ tránh xa bất thiện ấy.³

³ Xếp loại kiêng tránh do vì danh dự hoặc sợ hình phạt vì thói quen không phù hợp.

b) Kiêng tránh do thọ trì (*samādāna virati*)

Là sự kiêng tránh do chấp nhận quy luật của một sinh hoạt tín ngưỡng, nội quy của một trường học, hay quân luật của một binh sĩ, v.v... Sự chấp nhận (*samādāna*) thọ trì học giới xuất phát từ tinh thần tự giác, đi chung với đức tin.

Trong Phật giáo có bốn nhóm học giới như sau:

- Học giới dành cho Tỳ-khưu (Theravāda - 227 điều, Bắc tông Trung Quốc và Việt Nam, 250 điều).
- Học giới dành cho Tỳ-khưu-ni (Theravāda – 311 điều, Bắc tông Trung Hoa và Việt Nam, 348 điều).
- Học giới dành cho Sa-di và Sa-di-ni gồm 10 giới và các Ứng học pháp tùy theo mỗi truyền thống. (Sa-di thuộc Theravāda có 75 học pháp, Sa-di thuộc Bắc tông có 100 học pháp).

Riêng Học nữ (*Sikkhāmānā*, Thức-xoa-ma-na) là Sa-di muốn thọ giới Tỳ-khưu-ni phải gìn giữ 6 giới (5 giới đầu của Sa-di và giới không ăn phi thời) trọn vẹn hai năm, không bị đứt đoạn. Tức là ngoài Sa-di-ni giới ra, sáu giới này không được vi phạm. Giả như đã thọ được một năm sa-di mà ăn phi thời, phải sám hối và một năm trôi qua kể như bị bỏ, phải hành lại từ đầu.

Riêng chư Tăng và Ni Khất sĩ còn thọ 114 điều răn (điều luật riêng dành cho các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni). Các điều luật này được xem như là nội quy cho các Tăng Ni khất sĩ trong bối cảnh văn hóa Việt Nam hiện tại.

- Học giới dành cho cận sự nam và cận sự nữ, gồm 5 giới, 8 giới hoặc 10 giới.⁴

⁴ Ở Miền Điện, Thái Lan và Tích Lan, cư sĩ có thể phát nguyện thọ 9 giới hoặc 10 giới như Sa-di khi họ tu tập trong các trường thiền.

Học giới trong Phật giáo không chỉ đơn thuần là giới, mà còn bao gồm cả định và tuệ. Kinh bản đọc tụng thứ nhất trong Kinh Tăng Chi, đức Phật dạy: “*Này các Tỳ-khưu, bản đọc tụng này gồm hơn 150 giới, cần phải đọc tụng nửa tháng một lần. Ở đây, các thiện nam tử muốn được lợi ích, học tập bản đọc tụng ấy. Này các Tỳ-khưu, tất cả được thâm nhiếp làm thành ba học giới. Thế nào là ba? Tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học. Chính ba học pháp này, này các tỳ-khưu thâm nhiếp tất cả*”.

Và đức Phật có dạy: “*Này Pahārāda (A-tu-la vương), khi các học pháp được Như Lai chế định cho các đệ tử, dù cho vì nhân mạng sống, cũng không vượt qua.*”⁵

Xem thêm hai câu chuyện trong *Luận giải Chánh tri kiến*, trang 182-183.

c) Kiêng tránh do đoạn trừ (*samuccheda virati*)

Là tuyệt đối không còn vi phạm do đã chứng đạt Niết-bàn, nhổ lên tận gốc rễ (setughāta, phá bỏ cây cầu), không có sự liên lạc với ác, bất thiện.

Như bậc Dự lưu tuyệt đối không phạm vào ngũ giới. Một tư tưởng sát hại chúng sanh, lấy của không cho,... không hề khởi lên cho vị thánh Dự lưu.

Bậc thánh A-na-hàm, một tư tưởng hành dâm cũng không khởi lên. Bậc A-la-hán, một tư tưởng bất thiện cũng không hề có.

Nhận xét:

Trong 3 loại kiêng tránh, kiêng tránh do chấp nhận điều học (tức là giới tu tập, kiêng tránh do thọ trì) là quan trọng hơn hết, vì hiểu rõ lợi ích của giới.

⁵ Kinh Tăng Chi, Pháp Tám chi, Kinh A-tu-la Pahārāda.

Kiên tránh do đoạn trừ là giới thành tựu. Giới thành tựu là kết quả của giới tu tập định và tuệ. Vị ấy không cần phí sức nhiều như giới tu tập.

Còn kiên tránh do thói quen có thể là loại **tâm thiện không có trí**, là bản năng tự nhiên. Như người xứ Bắc-cu-lô châu gìn giữ giới một cách tự nhiên, nhưng những người ở châu này không chứng đạo quả.⁶

Chỉ có giới do thọ trì đưa bậc trí đến giải thoát khổ, vì hiểu rõ giới cùng lợi ích của giới. Đức Phật dạy: *“Này các Tỳ-khưu, với người ác giới, với người phá giới (sīlavipannassa), chánh định nhân vậy bị phá hoại (hatūpaniso). Khi chánh định không có mặt, với người bị chánh định bị phá hoại, như thật tri kiến nhân vậy bị phá hoại.”*⁷

Lại nữa, sự thọ trì giới được nghiêm túc nương vào đức tin. Đức tin sung mãn thì giới sẽ không hề bị vi phạm. Trái lại, đức tin bị yếu kém hay hạn hẹp, người này sẽ vi phạm vào giới.

“Dựa trên thiện nam tử có lòng tin, các người trong gia đình lớn lên về năm phương diện. Thế nào là năm? Lớn lên về lòng tin, lớn lên về giới, lớn lên về học hỏi, lớn lên về dứt bỏ, lớn lên về trí tuệ”.⁸

Đoạn kinh trên cho chúng ta thấy đức Phật nêu lên lòng tin trước. Khi lòng tin tăng trưởng thì giới tăng trưởng.

Lại nữa, một trong năm tâm cứng rắn (*cetokhila*) là nghi ngờ Học giới (*sikkhāya kaṅkhati*). Vị Tỳ-khưu có tâm nghi ngờ về giới sẽ không trưởng thành, hưng thịnh trong giáo pháp này.⁹

III. PHÂN TÍCH THEO 6 NHÓM

⁶ Ngày nay ở châu Âu, do nền văn minh và hoàn cảnh văn hóa, nhiều người có tinh thần thượng tôn pháp luật và sống tốt một cách tự nhiên, họ không có nỗ lực gì cả. Hạng người này cũng giống như những người ở các cõi Bắc-cu-lô –châu hoặc ở cõi trời.

⁷ Kinh Tăng Chi, Pháp Năm chi, Kinh Ác giới.

⁸ Kinh Tăng Chi, Pháp Năm Chi, Kinh cây Sala lớn.

⁹ Kinh Trung Bộ, Kinh Tâm Hoang Vu (số 16).

Phần này dựa vào cuốn *Luận giải kinh Chánh tri kiến* do TK. Chánh Minh soạn dịch, tr. 186 – 188.

1. Phân tích theo pháp (*dhammato*)

Ba thiện nghiệp thuộc về thân (không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong dục lạc), do **tâm sở tư** (*cetanā*) điều sử, dựa trên **tác ý đúng** (*yoniso manasikāra*).

Bốn thiện nghiệp về ngữ (không nói dối, không nói đâm thọc, không nói lời thô ác, không nói nhảm nhí) do **tâm sở tư** điều sử, dựa trên **tác ý đúng**.

Ba thiện nghiệp về ý (không đắm nhiễm, không sân hận và có trí) do **tâm sở tư** điều sử các **tâm sở phối hợp** với nó, dựa trên **tác ý đúng**.

2. Phân tích theo nhóm (*koṭṭhāsato*)

Bảy thiện nghiệp thuộc thân và ngữ là [chi pháp] thiện, không phải là căn (*mūla*) thiện.

Ba ý thiện nghiệp là pháp thiện và cũng thuộc căn thiện. Ý không tham thuộc căn vô tham (*alobhamūlaṃ*), ý không sân thuộc căn vô sân (*adosamūlaṃ*), chánh kiến thuộc căn vô si (*amohamūlaṃ*).

3. Phân tích theo đối tượng (*ārammaṇa*)

Đối tượng của thiện nghiệp tương tự như bất thiện nghiệp, chỉ khác là “không tạo ra ác, bất thiện”.

4. Phân tích theo thọ (*vedanāto*)

Các nghiệp thiện chỉ có 2 thọ: lạc và xả, vì thiện nghiệp không có khổ thọ.¹⁰

5. Phân tích theo căn (*mūlato*)

¹⁰ Trong trường hợp xả thân cứu người như cứu cháy, can người đánh lộn, hy sinh thân mình bị đánh đập đâm chém, v.v... tuy có thọ khổ, nhưng kết quả lại tốt đẹp về sau.

Bảy thiện nghiệp đầu, nếu được làm bởi tâm thiện ly trí /hợp tà thì có hai căn là vô tham và vô sân [tức căn si nó hoạt động, điều động tâm tương ưng với tà kiến]. Nếu làm với tâm thiện có trí thì đủ cả 3 căn là vô tham, vô sân và vô si.

Ý không tham trong tâm thiện ly trí/ hợp tà có một căn là vô tham; trong tâm thiện có trí thì có hai căn: vô tham và vô si.

Chánh kiến có hai căn là vô tham và vô sân.¹¹

6. Phân tích theo Tứ đế (phần này không có sức thuyết phục cao)

a) Bất thiện nghiệp

Bảy bất thiện nghiệp đầu là khổ đế trực tiếp.

Ý tham đắm (*abhiñhā*) là tập đế trực tiếp.

Ý hiềm hận (*byāpāda*), ý tà kiến (*micchādiṭṭhi*) vừa là khổ đế vừa là tập đế gián tiếp.¹²

b) Thiện nghiệp

Bảy thiện nghiệp đầu là khổ đế gián tiếp.

Ý vô tham, ý vô sân vừa là khổ đế gián tiếp vừa là tập đế gián tiếp.

Chánh kiến trong tâm đạo là đạo đế, trong tâm hiệp thế¹³ vừa là khổ đế gián tiếp, vừa là tập đế gián tiếp.

Chánh kiến trong tâm quả siêu thế là ngoại đế.

Diệt trừ ác, bất thiện nghiệp là diệt đế (tạm thời).

¹¹ Tại sao không thuộc về căn vô si? Có lẽ các vị cho rằng tự thân chánh kiến đã là thuộc căn vô si, nên không tính vào. Và khi có chánh kiến, tức là không có tham và không có sân.

¹² Sao lại là gián tiếp? Nó đang được xếp vào tập đế trực tiếp.

¹³ Tâm hiệp thế tức là tâm tương ưng với 3 cõi: dục, sắc và vô sắc.